

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 34/2023/HC-ST

Ngày 31-7- 2023

V/v khiếu kiện quyết định hành chính
trong lĩnh vực quản lý đất đai

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thắm.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Mỹ.

2. Bà Trương Thị Thu Hà.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Hoa - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:
Ông Trần Văn Bé - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 17/2023/TLST-HC ngày 17 tháng 4 năm 2023 về việc: “*Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 36/2023/QĐXXST-HC ngày 13 tháng 7 năm 2023, giữa các đương sự:

1. *Người khởi kiện:* Ông Cao Tấn H, sinh năm 1971; địa chỉ: 3 L, tổ C, khu phố C, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương, có mặt.

2. *Người bị kiện:* Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương; địa chỉ: số A, đường Q, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp của người bị kiện: Ông Võ Chí T, chức vụ: Phó chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố T, là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền số 1430/QĐ-UBND ngày 27/4/2023), vắng mặt (có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt).

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ Bà Võ Thị H1, sinh năm 1971; địa chỉ: tổ C, khu phố C, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương; có mặt;

+ Bà Cao Thanh P, sinh năm 2001; địa chỉ: tổ C, khu phố C, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương; có mặt;

+ Bà **Huỳnh Thị C**, sinh năm 1932; địa chỉ: **phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương**.

Người đại diện hợp pháp cho bà **Huỳnh Thị C**: bà **Nghiêm Nguyễn Huyền T1**, sinh năm 1984; địa chỉ: **số C đường A, khu phố T, phường A, thành phố T, tỉnh Bình Dương**, là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 21/6/2023); có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo Đơn khởi kiện ngày 05/4/2023, lời khai trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa người khởi kiện ông **Cao Tấn H** trình bày:*

Gia đình ông **Cao Tấn H** hiện sử dụng phần đất có diện tích khoảng 455,20m² trong tổng diện tích đất khoảng 2.500m², tọa lạc tại **khu phố C, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương** từ năm 1992 đến nay. Đất có nguồn gốc của ông bà để lại.

Năm 2001, **UBND phường P**, thị xã (nay là thành phố) **Thủ Dầu M** có giải quyết tranh chấp về đất đai giữa bà **Huỳnh Thị C** đối với bà **Huỳnh Thị H2** (mẹ ruột ông **H**) và ông **H**. Theo đó, bà **C** yêu cầu mẹ con ông **H** phải di dời tài sản để lại diện tích đất nêu trên cho bà **C**. Do hòa giải không thành nên sự việc được gửi đến **UBND thị xã (nay là thành phố) Thủ Dầu M** giải quyết. Tại Quyết định số 29/QĐ-CT ngày 31/3/2004 của Chủ tịch **UBND thị xã (nay là thành phố) Thủ Dầu M** đã buộc bà **H2** và ông **H** phải tự tháo dỡ di dời nhà và các công trình phụ trên khu đất có diện tích 455,20m² để giao lại cho bà **C** quản lý, sử dụng.

Không đồng ý với nội dung Quyết định trên, ông **H** và bà **H2** đã làm đơn khiếu nại. Tại Quyết định số 880/QĐ-UBND ngày 03/3/2006 của Chủ tịch **UBND tỉnh B** đã không thụ lý đơn khiếu nại của bà **H2** và ông **H** đối với Quyết định số 29/QĐ-CT ngày 31/3/2004 của Chủ tịch **UBND thị xã T**. Sau đó ông **H** tiếp tục khiếu nại đối với Quyết định số 880/QĐ-UBND ngày 03/3/2006 đến các cơ quan của Chính phủ để yêu cầu xem xét lại. Tại Công văn số 737/TDTW ngày 21/3/2013 của Thường trực tiếp công dân Văn phòng Chính phủ xác định đã chuyển nội dung đơn của ông **H** đến **UBND tỉnh B** để chỉ đạo các cơ quan chức năng kiểm tra, rà soát lại vụ việc tranh chấp giữa bà **C** và bà **H2**, ông **H**. Tuy nhiên, đến nay sự việc vẫn chưa được giải quyết. Năm 2016, bà **H2** chết, ông **H** cùng vợ con tiếp tục quản lý diện tích đất trên.

Ngày 31/3/2023, ông **H** nhận được Quyết định số 547/QĐ-UBND ngày 17/3/2023 của Chủ tịch **UBND thành phố T** về việc cưỡng chế thi hành Quyết định giải quyết tranh chấp đất đai. Theo đó, Chủ tịch **UBND thành phố T** buộc ông **H** phải thực hiện di dời tài sản, tháo dỡ các công trình đang hiện hữu trên khu đất tranh chấp được thể hiện tại Quyết định số 29/QĐ-CT ngày 31/3/2004; Quyết định số 880/QĐ-UBND ngày 03/3/2006; Quyết định số 1441/QĐ-UBND ngày 09/5/2012 của Chủ tịch **UBND tỉnh B** về việc đình chỉ Quyết định số 880/QĐ-UBND ngày 03/3/2006 của Chủ tịch **UBND tỉnh B** và Quyết định số 2940/QĐ-UBND ngày 03/9/2013 của Chủ tịch **UBND thị xã (nay là thành phố) T, tỉnh Bình**

Dương về việc đính chính Quyết định số 29/QĐ-CT ngày 31/3/2004 của Chủ tịch UBND thị xã (nay là thành phố) Thủ Dầu M.

Ông H xác định đất có nguồn gốc của ông Huỳnh Văn D và bà Đặng Thị S (cha mẹ ruột của bà C và ông cố ngoại của ông H) để lại, là đất thân tộc, không phải của riêng bà C nên bà C không có quyền tự ý định đoạt. Trước khi về ở trên đất, bà H2 đã xin phép bà C và các chị em trong gia đình cho ông H được cất nhà ở và được mọi người đồng ý. Gia đình ông H đã ở trên đất từ năm 1992 đến nay, hiện nay đây là nơi ở duy nhất nên ông H không đồng ý trả đất.

Ông H vẫn giữ nguyên yêu cầu hủy Quyết định số 547/QĐ-UBND ngày 17/3/2023 của Chủ tịch UBND thành phố T về việc cưỡng chế thi hành Quyết định giải quyết tranh chấp đất đai đối với ông H.

** Tại Công văn số 1604/UBND-VP ngày 01/6/2023 người bị kiện Chủ tịch UBND thành phố T trình bày:*

Vụ tranh chấp quyền sử dụng đất giữa bà Huỳnh Thị C với bà Bùi Thị H3 (Huỳnh Thị H2), ông Cao Tấn H (con bà H2) đã được UBND thị xã T giải quyết tại Quyết định số 29/QĐ-CT ngày 31/3/2004 và UBND tỉnh B giải quyết tại Quyết định số 880/QĐ-UBND ngày 03/3/2006 buộc bà Bùi Thị H3 và ông Cao Tấn H (con bà H3) phải tự tháo dỡ di dời nhà và các công trình trên khu đất có diện tích 455,2m² để giao lại cho bà Huỳnh Thị C quản lý sử dụng. Hiện 02 quyết định trên đã có hiệu lực pháp luật.

Từ năm 2006 đến năm 2011, các ngành chức năng thành phố và UBND phường P đã tổ chức vận động nhiều lần đối với gia đình bà Bùi Thị H3 (Huỳnh Thị H2), ông Cao Tấn H (con bà H2) yêu cầu chấp hành thực hiện các quyết định nêu trên, tuy nhiên gia đình bà Bùi Thị H3 (Huỳnh Thị H2), ông Cao Tấn H (con bà H2) không đồng ý.

Ngày 27/6/2011, Tổ soát xét hồ sơ pháp lý đã ban hành Tờ trình số 105/TTr-TTr về việc kiến nghị Chủ tịch UBND thị xã (nay là thành phố) Thủ Dầu M ban hành quyết định cưỡng chế.

Ngày 03/4/2012 và ngày 11/01/2013, các ngành chức năng thành phố phối hợp UBND phường tiếp tục tiến hành vận động gia đình bà H2, ông H chấp hành thực hiện theo các quyết định đã có hiệu lực, vận động bà H2, ông H nhận hỗ trợ 100m² đất và tiền hỗ trợ di dời 60.000.000đ (sáu mươi triệu đồng) từ gia đình bà Huỳnh Thị C thì phía gia đình bà H2, ông H không đồng ý và thừa nhận họ, tên của bà H2 là Bùi Thị H3, không phải là Huỳnh Thị H2 theo như nội dung Quyết định số 29/QĐ-CT ngày 31/3/2004 của UBND thị xã T và Quyết định số 880/QĐ-UBND ngày 03/3/2006 của UBND tỉnh B.

Vụ việc đã được UBND thành phố T ban hành Quyết định số 2940/QĐ-UBND ngày 03/9/2013 đính chính Quyết định số 29/QĐ-CT ngày 31/3/2004 và UBND tỉnh B ban hành Quyết định số 1441/QĐ-UBND ngày 09/6/2015 đính chính Quyết định số 880/QĐ-UBND ngày 03/3/2006 về nội dung họ, tên của bà “Huỳnh Thị H2” thành “Bùi Thị H3”, các nội dung khác của quyết định vẫn giữ nguyên.

Do gia đình bà H3, ông H tiếp tục có đơn khiếu nại, Thường trực Tỉnh ủy đã ban hành Thông báo số 49-TB/BNCTU ngày 20/8/2015 về việc giao Ban Nội chính Tỉnh ủy thẩm tra và báo cáo kết quả đối với việc giải quyết tranh chấp đất đai trước đây giữa bà Huỳnh Thị C với bà Bùi Thị H3, ông Cao Tấn H (con bà H3).

Ngày 07/3/2017, Ban Nội chính Tỉnh ủy đã có Thông báo số 27-TB/BNCTU, với nội dung: “Ban Nội chính Tỉnh ủy đã báo cáo kết quả thẩm tra với Thường trực Tỉnh ủy tại Báo cáo số 47-BC/BNCTU ngày 07/3/2017. Theo đó, Ban Nội chính Tỉnh ủy kiến nghị không chấp nhận yêu cầu của ông Cao Tấn H về việc xem xét lại nội dung Quyết định số 29/QĐ.CT ngày 31/3/2004 của Chủ tịch UBND thị xã T”.

Ngày 24/9/2018, các ngành chức năng thành phố phối hợp UBND phường P tiếp tục vận động gia đình ông Cao Tấn H (thời điểm này bà H3 đã chết) chấp hành theo các quyết định đã ban hành, nhưng gia đình ông H vẫn không đồng ý.

Ngày 19/10/2018, các ngành chức năng thành phố tổ chức họp soát xét rà soát hồ sơ tranh chấp giữa gia đình bà Huỳnh Thị C và ông Cao Tấn H, kết quả các thành phần họp thống nhất hồ sơ đã đủ điều kiện để cưỡng chế.

Sau đó, UBND thành phố đã giao Thanh tra thành phố rà soát các điều kiện để ban hành quyết định cưỡng chế. Vụ việc đã được Thanh tra thành phố chủ trì phối hợp các ngành khảo sát hiện trạng khu đất tranh chấp vào ngày 03/4/2019 và có Báo cáo số 39/BC-TTr ngày 26/4/2019 đảm bảo điều kiện để thực hiện cưỡng chế.

Trong thời gian rà soát hồ sơ pháp lý, UBND phường P cũng đã tiếp tục tổ chức vận động gia đình ông Cao Tấn H chấp hành các quyết định đã có hiệu lực nhưng gia đình ông Cao Tấn H vẫn không chấp hành theo các quyết định giải quyết.

Phòng T2 cũng đã tổ chức làm việc với gia đình bà Huỳnh Thị C về hướng hỗ trợ cho gia đình ông Cao Tấn H, nhưng gia đình bà Huỳnh Thị C không đồng ý hỗ trợ 100m² đất và tiền hỗ trợ di dời 60.000.000đ (sáu mươi triệu đồng) như trước đây gia đình đã hứa, mà chỉ đồng ý hỗ trợ căn nhà ở xã hội số D.2.2.09 tại phường Đ cho gia đình ông Cao Tấn H.

Căn cứ Quyết định số 72/2015/QĐ-UBND ngày 31/12/2015 của UBND tỉnh B quy định về việc cưỡng chế thi hành Quyết định giải quyết tranh chấp đất đai trên địa bàn tỉnh Bình Dương và các quy định pháp luật hiện hành, Phòng T2 đã có Tờ trình số 130/TTr-UBND ngày 14/3/2023 báo cáo UBND thành phố đã đủ điều kiện, trình tự, thủ tục và các bước theo quy định và kiến nghị Chủ tịch UBND thành phố ban hành quyết định để cưỡng chế thực hiện Quyết định số 880/QĐ-UBND ngày 03/3/2006 của Chủ tịch UBND tỉnh B.

Ngày 17/3/2023, Chủ tịch UBND thành phố ban hành Quyết định số 547/QĐ-UBND về việc tổ chức thực hiện Quyết định giải quyết tranh chấp đất đai số 880/QĐ-UBND ngày 03/3/2006 của Chủ tịch UBND tỉnh B; ban hành Quyết định số 548/QĐ-UBND về việc thành lập Ban cưỡng chế tổ chức thực hiện Quyết định số 547/QĐ-UBND ngày 17/3/2023 của UBND thành phố T.

Để thực hiện Quyết định số 547/QĐ-UBND ngày 17/3/2023 của UBND thành phố T, Ban cưỡng chế đã họp các ngành thông qua Kế hoạch số 53/KH-BCC.VP ngày 20/3/2023 về việc đảm bảo an ninh trật tự trong việc tổ chức cưỡng chế, và thành lập các tổ hỗ trợ thực hiện quyết định cưỡng chế (trong đó có Tổ vận động).

Ngày 31/3/2023, B cưỡng chế đã đến nhà ông Cao Tấn H để tổ chức công bố Quyết định số 547/QĐ-UBND ngày 17/3/2023 của UBND thành phố T, ông Cao Tấn H đã đồng ý nhận quyết định nhưng không đồng ý ký vào biên bản. Đồng thời, Ban cưỡng chế cũng đã tổ chức niêm yết Quyết định số 547/QĐ-UBND ngày 17/3/2023 của UBND thành phố T tại UBND phường P.

Tổ vận động cũng đã nhiều lần đến nhà ông Cao Tấn H để vận động gia đình ông Cao Tấn H chấp hành theo các quyết định giải quyết tranh chấp đất đai đã có hiệu lực nhưng gia đình ông Cao Tấn H vẫn không đồng ý.

Do gia đình ông H có đề nghị xin hoãn buổi cưỡng chế thêm 15 ngày vì đang khởi kiện tại Tòa án nên Chủ tịch U đã chỉ đạo Ban cưỡng chế ban hành Thông báo số 230/TB-BCC.VP về việc tạm hoãn thực hiện Quyết định số 547/QĐ-UBND ngày 17/3/2023 của UBND thành phố T.

Như vậy, căn cứ Quyết định số 72/2015/QĐ-UBND ngày 31/12/2015 của UBND tỉnh B quy định về việc cưỡng chế thi hành Quyết định giải quyết tranh chấp đất đai trên địa bàn tỉnh Bình Dương và các quy định pháp luật hiện hành; việc Chủ tịch UBND thành phố ban hành Quyết định số 547/QĐ-UBND ngày 17/03/2023 về việc tổ chức thực hiện Quyết định giải quyết tranh chấp đất đai số 880/QĐ-UBND ngày 03/3/2006 của Chủ tịch UBND tỉnh B là đúng theo trình tự, thủ tục quy định, việc ông Cao Tấn H khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định số 547/QĐ-UBND ngày 17/3/2023 của Chủ tịch UBND thành phố T là không có cơ sở.

** Quá trình tố tụng và tại phiên tòa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Võ Thị H1 và bà Cao Thanh P thống nhất trình bày:*

Bà H1 là vợ ông H. Bà P là con gái của ông H. Tài sản hiện hữu trên đất buộc phải di dời theo Quyết định số 547/QĐ-UBND ngày 17/3/2023 của Chủ tịch UBND thành phố T là tài sản chung của bà H1 và ông H. Bà H1 và bà P thống nhất ý kiến trình bày của người khởi kiện về việc hủy Quyết định số 547/QĐ-UBND ngày 17/3/2023, vì lý do: Ngày 31/3/2023, gia đình ông H nhận được Quyết định nêu trên. Đến ngày 03/4/2023, gia đình ông H tiếp tục nhận được Thông báo số 160/TB- BCC ngày 03/4/2023 về việc tổ chức thực hiện Quyết định 547, thời gian thực hiện vào hồi 07 giờ 30 phút ngày 05/4/2023. Như vậy, Quyết định số 547 đã vi phạm Điều 4, Điều 8, Điều 13 Quyết định số 72/2015/QĐ-UBND ngày 31/12/2015 của UBND tỉnh B về việc ban hành Quy định về cưỡng chế thi hành quyết định giải quyết tranh chấp đất đai, quyết định công nhận hòa giải thành trên địa bàn tỉnh Bình Dương.

** Quá trình tố tụng và tại phiên tòa người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Huỳnh Thị C là bà Nghiêm Nguyễn Huyền T1 trình bày:*

Bà Huỳnh Thị C được cha mẹ cho phần đất có diện tích khoảng 3.000m² tại khu G, phường P (nay là khu phố C, phường P), thành phố T từ năm 1975. Do nhà ở xa khu đất và bận việc buôn bán nên bà C không quản lý đất được. Vì vậy, vào khoảng năm 1996 bà Huỳnh Thị H2 và con là Cao Tấn H đã tự ý bao chiếm thửa đất có diện tích 455,2m² để xây dựng nhà ở và một số công trình phụ trên đất mà không thông qua ý kiến của bà C. Năm 2000, bà C phát hiện sự việc và yêu cầu bà H2, ông H trả đất nhưng bà H2, ông H không thực hiện. Năm 2001, bà C đã gửi đơn nhờ UBND phường P nhưng không thành nên bà H2, ông H tiếp tục khiếu nại. Năm 2004, UBND thị xã (nay là thành phố) Thủ Dầu M đã giải quyết vụ việc theo thẩm quyền. Tại Quyết định số 29/QĐ.CT ngày 31/3/2004 của UBND thị xã T đã chấp nhận đơn khiếu nại của bà C, buộc bà H2, ông H di dời tài sản để trả lại cho bà C phần đất có diện tích 455,2m². Tuy nhiên, bà H2, ông H không thực hiện mà tiếp tục khiếu nại. Tại Quyết định số 880/QĐ-UBND ngày 03/3/2006 của Chủ tịch UBND tỉnh B đã không thụ lý đơn khiếu nại của bà H2 và ông H. Từ đó đến nay, mặc dù các ban ngành chức năng đã nhiều lần thuyết phục, vận động di dời tài sản để trả đất cho bà C nhưng bà H2 và ông H không thực hiện. Bản thân bà C cũng từng thương lượng về việc bà C sẽ tìm nơi ở khác cho bà H2 và ông H nhưng không thành. Việc bà H2, ông H cố tình không thực hiện Quyết định số 29/QĐ-CT ngày 31/3/2004 của UBND thị xã T và Quyết định số 880/QĐ-UBND ngày 03/3/2006 của UBND tỉnh B gây nhiều khó khăn cho bà C trong việc sử dụng đất thuộc sở hữu của mình. Vì vậy, bà C không đồng ý với yêu cầu của ông H về việc hủy Quyết định số 547/QĐ-UBND ngày 17/3/2023 của Chủ tịch UBND thành phố T.

* Tại phiên tòa, ông Cao Tấn H có ý kiến trường hợp phải trả đất cho bà Huỳnh Thị C theo Quyết định số 29/QĐ.CT ngày 31/3/2004 của UBND thị xã T thì đề nghị bà C cho ông H 100m² đất (bao gồm đất thổ cư) ở vị trí hiện tại để ông H ổn định cuộc sống. Ông H không đồng ý nhận căn nhà ở xã hội số D.2.2.09 tại phường Đ mà bà C đã từng thỏa thuận sẽ cho ông H.

** Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:*

- Về tuân theo pháp luật tố tụng: Những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Luật Tố tụng hành chính.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Cao Tấn H.

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở phân tích, đánh giá, nhận định đầy đủ, khách quan, toàn diện về những tài liệu, chứng cứ, tình tiết của vụ án, ý kiến của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Tại phiên tòa, người bị kiện có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 158 Luật Tố tụng hành chính, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đương sự.

[1.2] Theo Đơn khởi kiện ngày 05/4/2023 nộp tại Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương, ông **Cao Tấn H** yêu cầu hủy Quyết định số 547/QĐ-UBND ngày 17/3/2023 của Chủ tịch **UBND thành phố T** về cưỡng chế thi hành Quyết định giải quyết tranh chấp đất đai số 880/QĐ-UBND ngày 03/3/2006; Quyết định số 1441/QĐ-UBND ngày 09/5/2012 của Chủ tịch **UBND tỉnh B** về việc đình chính Quyết định số 880/QĐ-UBND ngày 03/3/2006 của Chủ tịch **UBND tỉnh B** và Quyết định số 2940/QĐ-UBND ngày 03/9/2013 của Chủ tịch UBND thị xã (nay là **thành phố**) **T**, tỉnh **Bình Dương** về việc đình chính Quyết định số 29/QĐ.CT ngày 31/3/2004 của Chủ tịch **U** (nay là thành phố) **Thủ Dầu M**.

Đơn được nộp trong thời hiệu khởi kiện và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương theo quy định tại khoản 4 Điều 32, điểm a khoản 2 Điều 116 Luật Tố tụng hành chính.

[2] Xét Quyết định số 547/QĐ-UBND ngày 17/3/2023 của Chủ tịch **Ủy ban nhân dân thành phố T**.

[2.1] Về hình thức, thẩm quyền: Chủ tịch **UBND thành phố T** ban hành Quyết định số 547/QĐ-UBND ngày 17/3/2023 về cưỡng chế thi hành Quyết định giải quyết tranh chấp đất đai là đúng quy định tại Điều 6 Quyết định số 72/2015/QĐ - UBND ngày 31/12/2015 của **UBND tỉnh B** quy định về việc cưỡng chế thi hành quyết định giải quyết tranh chấp đất đai, quyết định công nhận hòa giải thành trên địa bàn tỉnh Bình Dương; điểm 4 khoản 59 Điều 2 Nghị định 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 bổ sung Điều 91 nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014.

[2.2] Về trình tự, thủ tục thực hiện cưỡng chế:

Ngày 14/3/2023, **Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố T2** đã có Tờ trình số 130/TTr-UBND báo cáo UBND thành phố về việc đã đủ điều kiện, trình tự, thủ tục và các bước theo quy định và kiến nghị Chủ tịch UBND thành phố ban hành quyết định cưỡng chế thực hiện để thực hiện Quyết định số 880/QĐ-UBND ngày 03/3/2006 của Chủ tịch **UBND tỉnh B**.

Ngày 17/3/2023, Chủ tịch UBND thành phố ban hành Quyết định số 547/QĐ-UBND về việc tổ chức thực hiện Quyết định số 880 đồng thời ban hành Quyết định số 548/QĐ-UBND về việc thành lập Ban cưỡng chế tổ chức thực hiện Quyết định số 547; Ban cưỡng chế đã họp các ngành thông qua Kế hoạch số 53/KH-BCC.VP ngày 20/3/2023 về việc đảm bảo an ninh trật tự trong việc tổ chức cưỡng chế, và thành lập các tổ hỗ trợ thực hiện quyết định cưỡng chế (trong đó có Tổ vận động);

Ngày 31/3/2023, Ban cưỡng chế đã đến nhà ông **H** để tổ chức công bố Quyết định số 547 đồng thời tổ chức niêm yết Quyết định số 547 tại **UBND**

phường P.

Ngày 04/4/2023, Ban cưỡng chế tiếp tục đã đến nhà ông Cao Tấn H để gửi Thông báo số 163/TB-BBC-VP về thời gian và địa điểm thực hiện cưỡng chế cho gia đình ông H.

Như vậy, về trình tự, thủ tục cưỡng chế đã đảm bảo đúng quy định tại các Điều 9, Điều 10, Điều 11, Điều 12 và Điều 13 của Quyết định số 72/2015/QĐ-UBND, ngày 31/12/2015 của UBND tỉnh B về việc ban hành quy định về cưỡng chế thi hành quyết định giải quyết tranh chấp đất đai, quyết định công nhận hòa giải thành trên địa bàn tỉnh Bình Dương.

[3] Về nội dung vụ án:

Ông Cao Tấn H là người trực tiếp quản lý, sử dụng phần đất có diện tích 455,20m² tọa lạc tại khu phố C, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Đất có nguồn gốc của ông Huỳnh Văn D và bà Đặng Thị S chết để lại cho bà Huỳnh Thị C quản lý trước năm 1975 (hiện nay thuộc khu phố C, phường P). Năm 1983, bà C có kê khai, đăng ký phần đất này cũng như nộp thuế tại địa phương được UBND phường P ngày xác nhận 11/02/2004.

Năm 2001, bà Huỳnh Thị C có tranh chấp với bà Huỳnh Thị H2 và ông Cao Tấn H, theo đó bà C yêu cầu bà H2, ông H di dời tài sản và công trình xây dựng trên đất để trả lại cho bà C diện tích đất trên vì lý do bà H2, ông H lợi dụng việc bà C bận làm ăn nơi khác, không có điều kiện thăm nom thường xuyên nên đã tự ý sử dụng phần đất trên mà không hỏi, không xin phép bà C. Năm 2000, khi phát hiện, bà C đã yêu cầu bà H2, ông H di dời nhà trả đất cho bà nhưng bà H2 xin được gia hạn ở thêm một năm (kể từ ngày lập biên bản ngày 03/7/2001) sẽ di dời nhà để trả lại đất thì bà C đồng ý. Tuy nhiên, hết thời hạn gia hạn thì bà H2 không thực hiện cam kết trả đất nên bà C tiếp tục khiếu nại đến UBND thị xã T yêu cầu bà H2 trả đất.

Trong cuộc họp hòa giải ngày 02/03/2004 tại Phòng Nông nghiệp Phát triển nông thôn và Địa chính thị xã, bà C đồng ý hỗ trợ số tiền 2.000.000 đồng cho bà H2 và ông H để di dời nhà nhưng bà H2, ông H không đồng ý. Tại Quyết định số 29/QĐ-CT ngày 31/3/2004 của UBND thị xã T đã chấp nhận đơn khiếu nại của bà C, buộc bà Huỳnh Thị H2 và ông Cao Tấn H phải tự tháo dỡ di dời nhà và các công trình phụ trên khu đất có diện tích 455,20m² để giao lại cho bà C quản lý sử dụng, ghi nhận sự tự nguyện của bà C hỗ trợ số tiền 2.000.000 đồng cho bà Huỳnh Thị H2 và ông Cao Tấn H để tháo dỡ di dời công trình.

Ngày 13/4/2004, Chủ tịch UBND thị xã T đã họp và công bố Quyết định số 29 cho bà H2 và ông H. Ngày 11/7/2005, bà H2, ông H không thực hiện Quyết định số 29 mà tiếp tục nộp đơn khiếu nại tại Phòng tiếp dân tỉnh Bình Dương. Tại Quyết định số 880/QĐ-UBND ngày 03/3/2006 của Chủ tịch UBND tỉnh B đã không thụ lý đơn khiếu nại của bà H2 và ông H vì căn cứ Điều 31, Điều 32 Luật Khiếu nại, tố cáo năm 2004 thì thời hiệu khiếu nại, thời hạn khiếu nại tiếp đã hết. Đây là quyết định giải quyết khiếu nại cuối cùng có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Ngày 28/3/2006, UBND thị xã T tổ chức công bố Quyết định số 880 cho bà C, ông H và bà H2. Tuy nhiên, chỉ có bà C có mặt để nhận, còn bà H2 và ông H vắng mặt. Đến ngày 04/4/2006, UBND thị xã T tổ chức công bố Quyết định số 880, ông H và bà H2 ký tên nhận nhưng không đồng ý thực hiện và có ý kiến sẽ khiếu nại tiếp.

Ngày 09/9/2013, Chủ tịch UBND thành phố T ban hành Quyết định số 2940/QĐ-UBND đính chính họ và tên bà Huỳnh Thị H2 trong Quyết định số 29 thành Bùi Thị H3 (các nội dung khác trong Quyết định số 29 giữ nguyên). Đồng thời, Ngày 09/6/2015, Chủ tịch UBND tỉnh B ban hành Quyết định số 1441/QĐ-UBND đính chính họ và tên bà Huỳnh Thị H2 trong Quyết định số 880 thành Bùi Thị H3 (các nội dung khác trong Quyết định số 880 giữ nguyên).

Ngày 11/3/2013, Chủ tịch UBND thành phố T lập biên bản vận động ông H thực hiện Quyết định số 29. Thời điểm này, bà C tự nguyện cho ông H 100m² đất (ngang 5m x dài 20m) tại khu đất tranh chấp và hỗ trợ thêm số tiền 60.000.000 đồng để cất nhà. Tuy nhiên, ông H cho rằng tại Quyết định số 29 đã ghi tên bà H3 là Huỳnh Thị H2 là không đúng, ông H cũng không đồng ý nhận sự hỗ trợ từ bà C. Ngày 30/6/2015, UBND tỉnh B lập biên bản giao Quyết định số 1441 cho ông H.

Ngày 06/3/2018, bà C có đơn gửi Chủ tịch UBND tỉnh B yêu cầu thực hiện Quyết định số 880 và 1441. Chủ tịch UBND tỉnh B ban hành Văn bản số 2604/UBND-BTCD giao Chủ tịch UBND thành phố T thực hiện. Ngày 24/9/2018, UBND thành phố T làm việc với ông H để yêu cầu thực hiện Quyết định số 29 nhưng ông H không đồng ý.

Ngày 26/6/2019, UBND phường P lập biên bản với bà C và ông H để triển khai thực hiện công tác cưỡng chế thực hiện Quyết định số 29. Thời điểm này, bà C vẫn giữ nguyên ý kiến về việc hỗ trợ ông H 100m² và 60.000.000 đồng nhưng ông H yêu cầu phải được nhận phần đất 100m² giáp mặt tiền đường và cho rằng số tiền 60.000.000 đồng không đủ xây nhà mới.

Căn cứ Quyết định số 72/2015/QĐ-UBND, ngày 31/12/2015 của UBND tỉnh B quy định về việc cưỡng chế thi hành Quyết định giải quyết tranh chấp đất đai trên địa bàn tỉnh Bình Dương và các quy định pháp luật hiện hành, Phòng T2 đã có Tờ trình số 130/TTr-UBND ngày 14/3/2023 báo cáo UBND thành phố đã đủ điều kiện, trình tự, thủ tục và các bước theo quy định và kiến nghị Chủ tịch UBND thành phố ban hành quyết định cưỡng chế để thực hiện Quyết định số 880/QĐ-UBND ngày 03/3/2006 của Chủ tịch UBND tỉnh B.

Ngày 17/3/2023, Chủ tịch UBND thành phố T ban hành Quyết định số 547/QĐ-UBND cưỡng chế thi hành quyết định giải quyết tranh chấp đất đai theo Quyết định số 880/QĐ-UBND và 1441/QĐ-UBND của Chủ tịch UBND tỉnh B, Quyết định số 29/QĐ.CT và 2940/QĐ-UBND của Chủ tịch UBND thành phố T bằng biện pháp cưỡng chế buộc di dời tài sản của gia đình ông H, tháo dỡ các công trình hiện hữu trên khu đất tranh chấp.

Ngày 31/3/2023, UBND thành phố T lập biên bản giao Quyết định số 547/QĐ- UBND cho ông H, cùng ngày 31/3/2023, Ban cưỡng chế lập biên bản vận động ông H thực hiện Quyết định số 880/QĐ-UBND, ông H ký nhận quyết định nhưng ông không đồng ý thực hiện các quyết định giải quyết tranh chấp trước đây và quyết định cưỡng chế.

Ngày 03/4/2023, Ban cưỡng chế ban hành Thông báo số 160 tổ chức thực hiện Quyết định số 547/QĐ - UBND, theo đó, thời gian tổ chức thực hiện bắt đầu từ 7g30 ngày 05/4/2023 đến khi hoàn thành xong công tác cưỡng chế theo kế hoạch. Ngày 04/4/2023, Tổ vận động Ban cưỡng chế tiếp tục lập biên bản vận động ông H chấp hành Quyết định số 880. Ông H nhận nhưng không ký tên biên bản và có ý kiến không đồng ý thực hiện các quyết định giải quyết tranh chấp trước đây, quyết định cưỡng chế và ông sẽ làm đơn kiến nghị cơ quan nhà nước xem xét lại.

Theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 136 Luật Đất đai năm 2003 thì Quyết định số 880 của Chủ tịch UBND tỉnh B là quyết định giải quyết cuối cùng có hiệu lực kể từ ngày ký.

Tại khoản 59 Điều 2 Nghị định 01/2017/NĐ-CP bổ sung Điều 91 Nghị định 43/2014/NĐ-CP về việc cưỡng chế thực hiện quyết định giải quyết tranh chấp đất đai quy định: “...Trường hợp người bị cưỡng chế vẫn không chấp hành sau khi đã được vận động, thuyết phục thì B thực hiện cưỡng chế tổ chức thực hiện cưỡng chế và buộc người bị cưỡng chế thực hiện các nội dung của quyết định giải quyết tranh chấp đất đai...”

Tại khoản 5 Điều 4 Quyết định số 72/2015/QĐ-UBND ngày 31/12/2015 của UBND tỉnh B quy định về việc cưỡng chế thi hành Quyết định giải quyết tranh chấp đất đai trên địa bàn tỉnh Bình Dương quy định: “5. Cơ quan thực hiện cưỡng chế đã động viên, giải thích cho người bị cưỡng chế để tự nguyện thực hiện quyết định có hiệu lực pháp luật nhưng người bị cưỡng chế không tự nguyện chấp hành”.

Như vậy, Quyết định số 547 của Chủ tịch UBND thành phố T về việc thi hành quyết định giải quyết tranh chấp đất đai được ban hành đúng thẩm quyền, đảm bảo đúng trình tự, thủ tục thực hiện cưỡng chế theo quy định của pháp luật.

[4] Từ những nhận định trên, yêu cầu khởi kiện của ông Cao Tấn H không có căn cứ chấp nhận.

[5] Về án phí hành chính sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện không được chấp nhận nên người khởi kiện phải nộp án phí hành chính sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 30, 32, 116, điểm a khoản 2 Điều 193 và Điều 194 Luật Tổ tụng hành chính;

Căn cứ khoản 1 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Bác yêu cầu khởi kiện của ông **Cao Tấn H** về việc hủy Quyết định số 547/QĐ-UBND ngày 17/3/2023 của Chủ tịch **UBND thành phố T**, tỉnh Bình Dương về việc cưỡng chế thi hành Quyết định giải quyết tranh chấp đất đai.

2. Về án phí hành chính:

Ông **Cao Tấn H** phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hành chính sơ thẩm. Khấu trừ số tiền tạm ứng án phí ông **Cao Tấn H** đã nộp tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2021/0000425 ngày 13/4/2023 của **Cục Thi hành dân sự tỉnh B**.

3. Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- Cục THADS tỉnh Bình Dương;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Tòa HC, Tổ HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN
TÒA**

Trần Thị Thắm

